

## Chương V: PHẠM VI CUNG CẤP

Chương này bao gồm phạm vi, tiến độ cung cấp thuốc, yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc thực hiện theo Mẫu số 00 Chương IV và bảng phạm vi cung cấp chi tiết kèm theo tại Mục 1 Chương này. Nhà thầu phải lập bảng giá dự thầu theo mẫu 05 của E-HSMT và bảng giá chi tiết của thuốc kèm theo E-HSDT dựa trên bảng phạm vi cung cấp chi tiết tại Mục 1 Chương này.

### Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc

#### 1. Phạm vi cung cấp thuốc

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Tiến độ cung cấp
1	Paracetamol 500 mg	500mg	Uống	Viên nén bao phim	2	Viên	30.000	450	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
2	Riboflavin	2mg	Uống	Viên nén	4	Viên	12.000	130	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
3	Acetylcystein 200 mg	200mg	Uống	Viên nang	4	Viên	17.000	700	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
4	Aciclovir	200mg	Uống	Viên nén	4	Viên	300	1.400	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
5	Methyldopa	250mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	21.000	1.890	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
6	Acid folic 1mg; Sắt (II) fumarat 200mg	1mg; 200mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	2.000	950	Theo yêu cầu của

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Tiền độ cung cấp
									chủ đầu tư
7	Omeprazole (dưới dạng hạt bao tan trong ruột 7,5%) 20mg	20 mg	Uống	Viên nang cứng	2	Viên	32.000	700	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
8	Celecoxib 200 mg	200mg	Uống	Viên nang cứng	3	Viên	28.000	1.820	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
9	Metronidazol 500mg, nystatin 100.000UI, neomycin 65.000 IU	500mg; 100.000UI; 65.000 IU	Đặt âm đạo	Viên nén đặt phụ khoa	4	Viên	2.000	3.300	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
10	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) 500 mg	500mg	Uống	Viên nang cứng	4	Viên	9.000	900	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
11	Magnesi hydroxyd+nhôm hydroxyd	800,4mg+3030,3mg	Uống	Hỗn dịch uống	4	Gói	1.000	3.300	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
12	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	21.000	950	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
13	Azithromycin (dưới dạng azithromycin dihydrate)	250mg	Uống	Viên nang cứng	2	Viên	900	4.150	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
14	Tuýp 30g chứa: Betamethason dipropionat 19,2mg	19,2mg	Dùng ngoài	Gel bôi da	4	Tuýp	200	29.000	Theo yêu cầu của chủ đầu tư

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kê hoạch	Tiền độ cung cấp
15	Bacillus subtilis 3x10 mũ 7 & Lactobacillus 3x10 mũ 7 CFU/gam	Bacillus subtilis 3x10 mũ 7 & Lactobacillus acido	Uống	Bột pha uống		Gói	4	6.000	1.300
16	Diosmin	600mg	Uống	Viên nén bao phim		Viên	4	1.000	6.000
17	200 mg cao đặc hỗn hợp các được hiệu tương ứng với: Diệp hạ châu 1500 mg; Chua gút 250 mg; Cỏ nhọ nôi 250 mg	1500 mg; 250 mg; 250 mg	Uống	Viên nén bao phim		Viên	3	18.000	1.650
18	Cetirizin dihydrochlorid	10mg	Uống	Viên nén bao phim		Viên	4	16.000	320
19	Mỗi 5g chứa: Clotrimazol 50mg	1%	Dùng ngoài	Kem bôi da		Tuyp	4	100	12.000
20	Captopril 25mg; Hydrochlorothiazid 25mg	25mg, 25mg	Uống	Viên nén		Viên	4	12.000	1.500
21	Cefdinir	300mg	Uống	Viên nén bao phim		Viên	4	12.000	5.070
22	Cefuroxim (dưới dạng cefuroxim axetil)	500mg	Uống	Viên nén bao phim		Viên	3	7.000	4.300

Theo yêu cầu của chủ đầu tư

Theo yêu cầu của chủ đầu tư

Theo yêu cầu của chủ đầu tư

Theo yêu cầu của chủ đầu tư

Theo yêu cầu của chủ đầu tư

Theo yêu cầu của chủ đầu tư

Theo yêu cầu của chủ đầu tư

Theo yêu cầu của chủ đầu tư

Theo yêu cầu của chủ đầu tư

Theo yêu cầu của chủ đầu tư

Theo yêu cầu của chủ đầu tư

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Tiền độ cung cấp
23	Cephalexin (dưới dạng cephalexin monohydrat)	500mg	Uống	Viên nang cứng	4	Viên	6.000	1.120	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
24	Perindopril erbumin	4mg	Uống	Viên nén	4	Viên	9.000	2.300	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
25	Diphenhydramin HCl 10mg/ml	10mg/ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	4	Ống	500	800	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
26	Drotaverin hydrochlorid	80mg	Uống	Viên nén	3	Viên	1.200	1.050	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
27	Metoprolol tartrat 25mg	25mg	Uống	Viên nén	1	Viên	7.200	2.250	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
28	Xylometazolin hydrochlorid	0,05% (w/v)	Nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mũi	4	Lọ	500	8.000	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
29	Fexofenadin hydrochlorid 60mg	60mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	5.000	950	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
30	Gentamicin (dưới dạng Gentamicin sulfat)	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	4	Lọ	400	2.800	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
31	Gentamicin (dưới dạng Gentamicin sulfat)	80mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Ống	1.000	1.500	Theo yêu cầu của chủ đầu tư

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Tiền độ cung cấp
32	Metformin	500mg	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	Viên	Viên	3	33.000	1.260
33	Colchicin	0,6mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	Viên	4	600	978
34	Heptaminol hydrochlorid	187,8mg	Uống	Viên nén	Viên	Viên	4	500	1.200
35	Cao đặc kim tiền thảo 150 mg; tương ứng với kim tiền thảo 1.500 mg	1.500 mg	Uống	Viên nén bao đường	Viên	Viên	2	15.000	400
36	Fenofibrat	200mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	Viên	4	12.000	2.800
37	Magnesi lactate dihydrat 470mg; Pyridoxin hydrochlorid 5mg	470mg, 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Viên	4	15.000	800
38	Methylprednisolon 4mg	4mg	Uống	Viên nén	Viên	Viên	4	5.000	820
39	Thiamin nitrat 125mg, Pyridoxin hydrochlorid 125mg, Cyanocobalamin 125mcg	125mg+ 125mg+ 125mcg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Viên	4	15.000	1.000
40	Glibenclamid + metformin	5mg + 500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Viên	3	42.000	2.800

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Tiến độ cung cấp
41	Diclofenac natri 100mg	Mỗi 10g gel chứa Diclofenac natri 0,1g	Dùng ngoài	Thuốc gel bôi da	4	Tuýp	370	9.000	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
42	Eperison hydroclorid	50mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	35.000	920	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
43	Calci carbonat (tương ứng với 300 mg calci) 750 mg; Vitamin D3 200 IU	750 mg, 200 IU	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	2.500	1.200	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
44	Domperidon (dưới dạng Domperidon maleat)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	2	Viên	2.000	330	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
45	Natri clorid	87,2mg/10ml	Nhỏ mắt	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	4	Lọ	2.000	3.000	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
46	Ofloxacin	200mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	2.000	980	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
47	Mỗi 4,1g thuốc bột chứa: Natri clorid 520mg; Natri citrat dihydrat 580mg; Kali clorid 300mg; Glucose khan 2,7gam	520mg; 580mg; 300mg; 2,7g	Uống	Thuốc bột	4	Gói	3.000	1.490	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
48	Piracetam	400mg	Uống	Viên nang cứng	4	Viên	12.000	505	Theo yêu cầu của chủ đầu tư

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Tiền độ cung cấp	
49	Môi 5 g chứa: Acid fusic 100mg; Betamethason valerat 5mg	100mg ; 5mg	Dùng ngoài	Kem bôi da		Tuyp	150	27.000	Theo yêu cầu của chủ đầu tư	
50	Allopurinol 100mg	100mg	Uống	Viên nén		Viên	1	1.900	Theo yêu cầu của chủ đầu tư	
51	Natri hyaluronat	6 mg/6 ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt		Lọ	4	31.000	Theo yêu cầu của chủ đầu tư	
52	Losartan kali	50mg	Uống	Viên nén bao phim		Viên	3	21.000	Theo yêu cầu của chủ đầu tư	
53	Losartan kali 50mg; Hydrochlorothiazid 12,5mg	50mg ; 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim		Viên	3	2.970	Theo yêu cầu của chủ đầu tư	
54	Indapamid hemihydrat 1,25mg; Perindopril erbumin 4mg	1,25mg ; 4mg	Uống	Viên nén bao phim		Viên	2	9.000	Theo yêu cầu của chủ đầu tư	
55	N-Acetyl DL-Leucin	500mg	Uống	Viên nén		Viên	2	2.000	Theo yêu cầu của chủ đầu tư	
56	Sorbitol	5g	Uống	Thuốc bột pha dung dịch uống		Gói	4	1.000	966	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
57	Gliclazide	60mg	Uống	Viên nén phòng thich kéo dài		Viên	2	6.000	2.800	Theo yêu cầu của chủ đầu tư

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Tiền độ cung cấp
58	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate 6,94 mg)	5mg	Uống	Viên nang cứng	2	Viên	36.000	845	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
59	Mỗi 20 g chứa: Sulfadiazin bạc 200mg	200mg	Dùng ngoài	Kem bôi da	4	Tuýp	80	25.500	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
60	Sulpirid	50mg	Uống	Viên nang cứng	4	Viên	1.000	314	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
61	Tetracyclin hydroclorid	1 % (w/w)	Tra mắt	Mỡ tra mắt	4	Tuýp	100	3.900	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
62	Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat)	15 mg/5 ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	4	Lọ	1.000	15.000	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
63	Natri clorid	4,5g/500ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	4	Chai	480	10.500	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
64	Trimetazidin dihydroclorid 35 mg	35 mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng biến đổi	2	Viên	6.600	1.092	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
65	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 875mg; Acid Clavulanic (dưới dạng Kali Clavulanat + Cellulose	875mg ;125mg	Uống	Viên nén bao phim	3	Viên	11.200	5.100	Theo yêu cầu của chủ đầu tư

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Tiến độ cung cấp
	vi tinh thể tỷ lệ 1:1) 125mg								
66	Vitamin A(Retinyl palmitat) 5000 IU; Vitamin D3 (Colecalciferol) 400 IU - 5000 IU, 400 IU	5000 IU, 400 IU	Uống	Viên nang mềm	4	Viên	45.000	610	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
67	Vitamin E	400 UI	Uống	Viên nang mềm	4	Viên	3.000	1.150	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
68	Nicotinamid	500mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	6.000	770	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
69	Glucosamin sulfat (dưới dạng glucosamin sulfat kali clorid tương đương 392,6mg glucosamin base)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	2	Viên	10.000	1.800	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
70	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfat)	2,5mg/2,5ml	Đường hô hấp	Dung dịch dùng cho khí dung	4	Ống	200	4.500	Theo yêu cầu của chủ đầu tư
71	Spiramycin + Metronidazol	750.000 IU + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	2	Viên	5.000	1.950	Theo yêu cầu của chủ đầu tư

## **2. Tiến độ cung cấp**

- Thuốc phải được giao đủ số lượng và đúng các thông tin, tiêu chuẩn như trong E-HSĐT đã được lựa chọn; theo đúng yêu cầu của từng đợt/đơn hàng.

- Sau khi nhận được thông báo trúng thầu của chủ đầu tư, đơn vị trúng thầu có trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng và tiến hành cung ứng mặt hàng trúng thầu như quy định của E-HSMT.

- Tiến độ cung cấp hàng hóa:

+ Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày.

+ Tiến độ cung cấp hàng hóa:

Hàng hóa sẽ được chủ đầu tư chia thành nhiều đợt/đơn hàng, tùy theo nhu cầu sử dụng và yêu cầu nhiệm vụ.

Chủ đầu tư sẽ gửi thông báo về số lượng hàng hóa cần mua của từng đợt/đơn hàng cho nhà thầu thông qua văn bản/email/điện thoại. Trong vòng 04 giờ kể từ thời điểm chủ đầu tư thông báo và nhà thầu tiếp nhận thông tin, nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng số lượng, chất lượng yêu cầu.

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo giá trị của từng đợt/đơn hàng tương ứng.

## **Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật**

### **2.1. Giới thiệu chung về gói thầu**

• Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Mua sắm hàng hóa đảm bảo hoạt động khám chữa bệnh BHYT thường xuyên.

• Giá gói thầu: 984.189.000.

• Địa điểm thực hiện: Quân y, Phòng HC-HC, Công ty TNHH một thành viên cơ khí 17 – Tổng cục CNQP, Đường 16, Thôn Cả, Xã Sóc Sơn, TP Hà Nội.

• Chủ đầu tư: Công ty TNHH một thành viên cơ khí 17 – Tổng cục CNQP .

• Nguồn vốn: Kinh phí khám chữa bệnh BHYT tại Bệnh xá.

• Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, qua mạng.

- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện: 365 ngày.

## 2.2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Mặt hàng thuốc phải đáp ứng các thông số quy định trong Danh mục thuốc tại Bảng phạm vi cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật tại Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc – Chương V Phạm vi cung cấp – Phần 2 Yêu cầu về phạm vi cung cấp của E-HSMT; được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam; đáp ứng tính hợp lệ và đầy đủ các tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hóa theo quy định theo quy định của HSMT.

- Thông tin về thuốc tham dự phải đúng theo phạm vi cung cấp quy định tại Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc – Chương V Phạm vi cung cấp – Phần 2 Yêu cầu về phạm vi cung cấp của E-HSMT: Nhóm kỹ thuật, tên hoạt chất, nồng độ/hàm lượng, dạng bào chế, đường dùng,...

- Toàn bộ hàng hóa mới 100%, đáp ứng yêu cầu tối thiểu đã nêu của E-HSMT.

- Quy cách đóng gói: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, nguyên bao bì.

- Bảo quản và vận chuyển: Đúng quy định của Bộ y tế và của Nhà sản xuất.

- Đảm bảo còn hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng:

+ Nhà thầu phải có đề xuất kế hoạch bố trí nhân sự, phương tiện, hàng hóa dự trữ đảm bảo dịch vụ hỗ trợ sau bán hàng, đáp ứng yêu cầu 24 giờ/ngày, 07 ngày/tuần, thời gian có mặt là 06 giờ sau khi nhận được thông báo của chủ đầu tư. Kênh tiếp nhận thông báo và hỗ trợ: điện thoại, email, hỗ trợ trực tiếp tại địa điểm sử dụng.

+ Trường hợp phát sinh vấn đề, Chủ đầu tư ngưng sử dụng thuốc nêu trên và báo cáo bằng văn bản gửi nhà thầu trong vòng 06 giờ kể từ thời điểm phát hiện.

+ Nhà thầu phải có trách nhiệm thông báo bằng văn bản trong vòng 06 giờ sau khi nhận được thông báo của chủ đầu tư về thời gian và cách xử lý.

- Nhà thầu phải thu hồi vô điều kiện những mặt hàng bị phát hiện có vấn đề về chất lượng trong quá trình sử dụng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

- Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại do thuốc không đạt chất lượng gây ra (nếu có).

- Trong quá trình cung cấp thuốc, nhà thầu sẵn sàng cung cấp các giấy tờ xác nhận về xuất xứ, chất lượng thuốc (bản gốc) khi có yêu cầu.

- Nhà thầu liệt kê đầy đủ các thông tin tại theo yêu cầu tại Mẫu số 00 và tự đánh giá về kỹ thuật của mặt hàng thuốc mà Nhà thầu tham dự thầu Phần 4 - Phụ lục theo mẫu dưới đây:

#### BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM VỀ KỸ THUẬT

**Tên nhà thầu:**

**Tên gói thầu:**

**Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu:**

STT	STT trong E-HSMT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	SDK/GPL H	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Nhóm TCKT	TC	TC	TC	TC	TC	TC	TC	TC	TC	TC	TC	TC	Tổng điểm
									1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	1.9	11.10	11.11	11.12	

*Yêu cầu về điều kiện giao hàng:*

- Thuốc phải được giao đủ số lượng và đúng các thông tin, tiêu chuẩn như trong E-HSDT đã được lựa chọn; theo đúng yêu cầu của từng đợt/đơn hàng.

- Tiến độ cung cấp hàng hóa:

+ Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày.

+ Tiến độ cung cấp hàng hóa:

Hàng hóa sẽ được chủ đầu tư chia thành nhiều đợt/đơn hàng, tùy theo nhu cầu sử dụng và yêu cầu nhiệm vụ.

Chủ đầu tư sẽ gửi thông báo về số lượng hàng hóa cần mua của từng đợt/đơn hàng cho nhà thầu thông qua văn bản/email/điện thoại. Trong vòng 04 giờ kể từ thời điểm chủ đầu tư thông báo và nhà thầu tiếp nhận thông tin, nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng số lượng, chất lượng yêu cầu.

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo giá trị của từng đợt/đơn hàng tương ứng.

+ Nhà thầu phải có cam kết đáp ứng điều kiện về thực hiện hợp đồng, cung cấp hàng hóa, điều kiện thanh toán. Nhà thầu phải có đề xuất phương án chuẩn bị hàng sẵn hàng hóa, phương án cung cấp hàng hóa, đáp ứng theo yêu cầu về cung cấp hàng hóa của chủ đầu tư.

+ Trường hợp nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu, không tuân thủ quy định hợp đồng, chủ đầu tư tiến hành lập biên bản ghi nhận lỗi vi phạm hợp đồng và phạt hợp đồng theo quy định. Nếu vượt quá số lần vi phạm và số tiền phạt hợp đồng đạt giá trị tối đa, chủ đầu tư xem xét thanh lý, chấm dứt hợp đồng với nhà thầu và gửi thông báo tới cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu về việc chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

+ Biện pháp thực hiện hợp đồng:

Trong HSDT, nhà thầu phải đề xuất biện pháp/giải pháp để thực hiện, triển khai hợp đồng; có các giải pháp kỹ thuật, quản lý chất lượng hàng hóa; biện pháp tổ chức cung cấp, biện pháp tổ chức nhân sự, vận chuyển, bàn giao, nghiệm thu hàng hóa; đào tạo, chuyển giao công nghệ (nếu cần thiết); biện pháp cung cấp dịch vụ sau bán hàng (hỗ trợ kỹ thuật, thay thế hàng hóa, khắc phục sự cố...) hợp lý, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của HSMT; có giải pháp đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường trong quá trình triển khai, đảm bảo an ninh, an toàn tại địa điểm tiếp nhận và triển khai hàng hóa.

Nhà thầu phải đề xuất Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa và thuyết minh tiến độ hợp lý, khả thi và phù hợp với giải pháp kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E.HSMT.

### **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

- Thời gian kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa: Chủ đầu tư và nhà thầu tiến hành kiểm tra, và thử nghiệm hàng hóa tại thời điểm bàn giao. Nếu hàng hóa không đạt yêu cầu như trong E-HSMT đã yêu cầu thì bên chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng. Và bên nhà thầu phải có biện pháp thay thế hàng hóa khác có chất lượng tương đương hoặc cao hơn nhưng phù hợp nhưng phải được bên Chủ đầu tư chấp nhận. Nếu không đáp ứng được và không đảm bảo thời gian thực hiện hợp đồng thì bên nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thiệt hại do bên mình gây ra.

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: tên thương mại, tên hoạt chất, nồng độ/hàm lượng, dạng bào chế, đường dùng, số đăng ký, số lô, hạn dùng, hãng sản xuất, nước sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, số lượng.